

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 305/2022/DS - PT

Ngày: 24/11/2022

V/v “tranh chấp quyền về lối đi qua”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Ngọt

Ông Nguyễn Hữu Lương

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Minh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre:** Ông Trần Văn Sung – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 244/2022/TLPT-DS ngày 04 tháng 10 năm 2022 về “Tranh chấp quyền về lối đi qua”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2022/DS – ST ngày 27 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện M bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 271/2022/QĐ – PT ngày 31 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Phan Văn H, sinh năm 1957; (vắng mặt)
2. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1952;
3. Anh Phan Hoài H2, sinh năm 1996; (vắng mặt)
4. Ông Phạm Văn V, sinh năm 1956;
5. Bà Đinh Thị D, sinh năm 1966;
6. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1953;
7. Bà Nguyễn Thị B1, sinh năm 1956;

8. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1966;
9. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1964;
10. Ông Nguyễn Văn B2, sinh năm 1944; (vắng mặt)
11. Bà Trần Thị B2, sinh năm 1947; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- *Người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn bà Nguyễn Thị H1, ông Phạm Văn V, bà Đinh Thị D, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị B1, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị T: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1976; (có mặt)*

Địa chỉ: khu phố N, thị trấn M, huyện M1, tỉnh Bến Tre. (Văn bản ủy quyền ngày 15/11/2022)

- *Bị đơn:*

1. Ông Đinh Văn T1, sinh năm 1974;
2. Bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1976; (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Đinh Văn Trọng N, sinh năm 1996; (có mặt)
2. Chị Đinh Thị Ngọc H4, sinh năm 2001;

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- *Người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn ông Đinh Văn T1, bà Nguyễn Thị H3 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đinh Thị Ngọc H4: Anh Đinh Văn Trọng N.*

- *Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Phan Văn H, bà Nguyễn Thị H1, anh Phan Hoài H2, ông Phạm Văn V, bà Đinh Thị D, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị B1, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị T.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn ông Phan Văn H, bà Nguyễn Thị H1, anh Phan Hoài H2, ông Phạm Văn V, bà Đinh Thị D, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị B1, ông Nguyễn Văn B2, bà Trần Thị B2, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị T cùng trình bày:

Hộ gia đình ông Phan Văn H, bà Nguyễn Thị H1, anh Phan Hoài H2 có quyền sử dụng thửa đất số 204, 213 tờ bản đồ số 11; hộ ông Phạm Văn V, bà Đinh Thị D có quyền sử dụng thửa đất số 236 tờ bản đồ 11; hộ ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị B1 có quyền sử dụng thửa đất số 252, tờ bản đồ 11; bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn

Đ có quyền sử dụng thửa đất số 266 tờ bản đồ 11; hộ ông Nguyễn Văn B2, bà Trần Thị B2 có quyền sử dụng thửa đất số 304 tờ bản đồ 11; tất cả các thửa đất nêu trên đều tọa lạc tại Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. Phần đất của các nguyên đơn muốn ra lộ công cộng phải qua phần đất thuộc thửa 205, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre của gia đình ông Đinh Văn T1, bà Nguyễn Thị H3, anh Đinh Văn Trọng N, chị Đinh Thị Ngọc H4. Các nguyên đơn đã sử dụng lối đi này từ trước năm 1975 đến nay. Năm 2020, gia đình ông T1 làm hàng rào dọc theo lối đi nên gây khó khăn cho việc vận chuyển hàng hóa và đi lại của các nguyên đơn. Nay các nguyên đơn yêu cầu ông Đinh Văn T1, bà Nguyễn Thị H3, anh Đinh Văn Trọng N, chị Đinh Thị Ngọc H4 phải mở lối đi có diện tích theo kết quả đo đạc là 27,3m² thuộc một phần thửa 205 (thửa 205B diện tích 18,6m² và thửa 205C diện tích 8,7m²) tờ bản đồ 11, tọa lạc tại Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre vì ngoài lối đi này các nguyên đơn không còn lối đi nào khác, các nguyên đơn đồng ý đền bù giá trị đất, cây trồng và vật kiến trúc trên đất như kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản. Phần lối đi diện tích 18,6m² (thửa 205B) hiện nay gia đình ông T1 cho đi và các nguyên đơn đang sử dụng làm lối đi có hiện trạng là đường bê tông nhưng không bảo đảm điều kiện đi lại, vận chuyển hàng hóa của các nguyên đơn nên yêu cầu mở rộng thêm diện tích 8,7m² (thửa 205C).

Trong quá trình tố tụng, bị đơn ông Đinh Văn T1, bà Nguyễn Thị H3, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đinh Văn Trọng N, chị Đinh Thị Ngọc H4 cùng trình bày:

Phần đất của các nguyên đơn muốn ra lộ công cộng phải đi qua phần đất của gia đình bị đơn thuộc thửa 205 tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. Ngoài lối đi này, các nguyên đơn không còn lối đi nào khác. Từ trước đến nay gia đình bị đơn vẫn cho các nguyên đơn đi qua phần đất này, hiện trạng lối đi hiện nay là đường bê tông theo kết quả đo đạc có diện tích 18,6m². Gia đình bị đơn xây hàng rào dọc theo lối đi không ảnh hưởng gì đến việc đi lại của các nguyên đơn. Nay bị đơn đồng ý hạn chế quyền sử dụng đất và cho các nguyên đơn sử dụng lối đi theo hiện trạng đường bê tông từ trước đến nay các nguyên đơn vẫn đi, có diện tích 18,6m², không Đình đồng ý mở rộng thêm diện tích 8,6m² như yêu cầu của các nguyên đơn, không yêu cầu các nguyên đơn phải đền bù giá trị đất. Phần đất cho các nguyên đơn sử dụng làm lối đi hiện trạng đường bê tông không có cây trồng và vật kiến trúc.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện M đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2022/DS – ST ngày 27 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện M đã tuyên:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Ghi nhận ông Đinh Văn T1, bà Nguyễn Thị H3, anh Đinh Văn Trọng N, chị Đinh Thị Ngọc H4 đồng ý hạn chế quyền sử dụng đất để mở lối đi cho các nguyên đơn ông Phan Văn H, bà Nguyễn Thị H1, anh Phan Hoài H2, ông Phạm Văn V, bà Đinh Thị D, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị B1, ông Nguyễn Văn B2, bà Trần Thị B2, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị T diện tích 18,6m² thuộc một phần thửa 205 (theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M, tỉnh Bến Tre là thửa 205B), tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre; các nguyên đơn được sử dụng diện tích đất nêu trên để làm lối đi, chiều cao của lối đi là 04 mét. Tứ cận như sau: Phía Bắc giáp đường bê tông dài 1,15 mét; phía Nam giáp thửa 204 dài 1,40 mét; phía Đông giáp thửa 190 dài 1,61 mét và phần còn lại thửa 205 dài 2,51 mét + 10,67 mét + 2,56 mét; phía Tây giáp phần còn lại thửa 205 dài 3,98 mét + 10,56 mét + 1,76 mét + 1,15 mét (có họa đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo).

Ghi nhận ông Đinh Văn T1, bà Nguyễn Thị H3, anh Đinh Văn Trọng N, chị Đinh Thị Ngọc H4 không yêu cầu các nguyên đơn phải đền bù giá trị quyền sử dụng đất.

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền quản lý đất đai để đăng ký biến động theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/8/2022 ông Phan Văn H, bà Nguyễn Thị H1, anh Phan Hoài H2, ông Phạm Văn V, bà Đinh Thị D, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị B1, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị T kháng cáo, đơn kháng cáo có nội dung yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, mở lối đi rộng thêm tại vị trí thửa ký hiệu 205C vì lối đi hiện tại là nhỏ hẹp, nhiều đoạn giáp mép nương có chiều ngang không đến 01 mét, khó khăn trong việc đi lại và vận chuyển hàng hóa của các hộ dân.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn Phan Văn H và Phan Hoài H2 vắng mặt, không có lời trình bày. Người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn bà Nguyễn Thị H1, ông Phạm Văn V, bà Đinh Thị D, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị B1, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bị đơn không đồng ý kháng cáo của nguyên đơn. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng; về nội dung: đề nghị không chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Người kháng cáo ông Phan Văn H và anh Phan Hoài H2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với kháng cáo của ông H và anh H2 theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Phần đất các nguyên đơn bị vây bọc bởi bất động sản của những người sử dụng đất khác, muốn ra lộ công cộng phải đi qua đất của gia đình ông Đinh Văn T1, bà Nguyễn Thị H3 thuộc một phần thửa 205, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. Do đó, yêu cầu của các nguyên đơn về việc mở lối đi là phù hợp với quy định tại Điều 254 Bộ luật Dân sự năm 2015 và được bị đơn đồng ý nên ghi nhận.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn về việc yêu cầu mở rộng lối đi tại vị trí thửa ký hiệu 205C:

Các đương sự đều thừa nhận rằng từ trước đến nay các nguyên đơn đang sử dụng lối đi qua đất của gia đình ông T1 có hiện trạng là đường bê tông diện tích 18,6 m² (ký hiệu thửa 205B), chiều rộng khoảng 01m và gia đình ông T1 vẫn cho các nguyên đơn sử dụng lối đi này để ra lộ công cộng. Tuy nhiên, các nguyên đơn cho rằng gia đình ông T1 làm hàng rào dọc theo lối đi làm ảnh hưởng đến việc đi lại, vận chuyển hàng hóa nên yêu cầu mở rộng thêm diện tích 8,7m², để tổng chiều rộng lối đi khoảng 1,5m. Theo quy định tại Điều 254 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định “*Lối đi được mở trên bất động sản liền kề nào mà được coi là thuận tiện và hợp lý nhất, có tính đến đặc điểm cụ thể của địa điểm, lợi ích của bất động sản bị vây bọc và thiệt hại gây ra là ít nhất cho bất động sản có mở lối đi*” và “*vị trí, giới hạn chiều dài, chiều rộng, chiều cao của lối đi do các bên thỏa thuận, bảo đảm thuận tiện cho việc đi lại và ít gây phiền hà cho các bên*”. Mặc dù chiều rộng lối đi hiện tại là tương đối phù hợp nhưng phía đông giáp thửa 190 hiện trạng là mương sâu gây nguy hiểm trong quá trình đi lại. Thửa 205 có chiều ngang mặt tiền lộ khá rộng, tại vị trí các nguyên đơn yêu cầu mở rộng lối đi không có công trình kiến trúc, hàng rào lưới B40 là hàng rào trụ bê tông chôn chân, có thể di dời được. Diện tích yêu cầu mở rộng cũng không lớn (8,7 m²), không ảnh hưởng nhiều đến quyền sử dụng đất còn lại của bị đơn. Ngoài ra, lối đi này là lối đi chung cho nhiều hộ bên trong đi lại, lưu lượng xe cộ đông và việc vận chuyển hàng hóa nhiều. Do đó, nhằm tạo không gian thông thoáng cho lối đi, tránh gây nguy hiểm cho các phương tiện khi di chuyển, xét thấy cần thiết chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm, mở rộng lối đi tại vị trí thửa ký hiệu 205C theo họa đồ.

[4] Ghi nhận các nguyên đơn đồng ý bồi thường thiệt hại cho bị đơn về giá trị quyền sử dụng đất, hàng rào và cây trồng trên đất theo giá hội đồng định giá đã định, cụ thể:

$(27,3 \text{ m}^2 \times 500.000 \text{ đồng/m}^2) + 4.500.000 \text{ đồng (03 cây dừa)} + 4.804.000 \text{ đồng (hàng rào)} = 22.954.000 \text{ đồng.}$

[5] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu số tiền 300.000 đồng.

[7] Về chi phí tố tụng: Các nguyên đơn phải liên đới chịu 2.323.000 đồng và đã nộp xong.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm

Ông H, bà H1, ông V, ông B, bà B1 là người cao tuổi nên được miễn án phí. Kháng cáo bị đình chỉ nên anh H2 phải chịu án phí phúc thẩm.

Kháng cáo được chấp nhận nên bà D, ông Đ, bà T không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Đình chỉ kháng cáo của ông Phan Văn H, anh Phan Hoài H2.

Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H1, ông Phạm Văn V, bà Đinh Thị D, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị B1, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị T.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2022/DS – ST ngày 27 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện M.

Cụ thể tuyên:

Căn cứ Điều 254 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Buộc ông Đinh Văn T1, bà Nguyễn Thị H3, anh Đinh Văn Trọng N, chị Đinh Thị Ngọc H4 mở lối đi cho các nguyên đơn ông Phan Văn H, bà Nguyễn Thị H1, anh Phan Hoài H2, ông Phạm Văn V, bà Đinh Thị D, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị B1,

ông Nguyễn Văn B2, bà Trần Thị B2, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị T thuộc một phần thửa 205 (ký hiệu thửa 205B, 205C), tổng diện tích 27,3 m², tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (có họa đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo).

Buộc các nguyên đơn ông Phan Văn H, bà Nguyễn Thị H1, anh Phan Hoài H2, ông Phạm Văn V, bà Đinh Thị D, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị B1, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn B2, bà Trần Thị B2 có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại cho ông Đinh Văn T1, bà Nguyễn Thị H3, anh Đinh Văn Trọng N, chị Đinh Thị Ngọc H4 số tiền 22.954.000 đồng (hai mươi hai triệu chín trăm năm mươi bốn nghìn đồng).

Tuyên bố hạn chế quyền sử dụng đất của ông Đinh Văn T1, bà Nguyễn Thị H3, anh Đinh Văn Trọng N, chị Đinh Thị Ngọc H4 đối với phần đất mở lối đi có chiều rộng, chiều dài, diện tích, vị trí theo họa đồ, giới hạn chiều cao của lối đi là 04 mét tính từ mặt đất tự nhiên.

Nguyên đơn được quyền sử dụng hạn chế phần lối đi và tuân thủ các điều kiện đảm bảo trong quá trình sử dụng đất của các bên mà pháp luật quy định. Các bên được quyền đăng ký quyền sử dụng hạn chế quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 171 của Luật Đất đai năm 2013 tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản: các nguyên đơn ông Phan Văn H, bà Nguyễn Thị H1, anh Phan Hoài H2, ông Phạm Văn V, bà Đinh Thị D, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị B1, ông Nguyễn Văn B2, bà Trần Thị B2, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị T phải chịu 2.323.000 đồng và đã nộp xong.

3. Về án phí sơ thẩm:

Buộc ông Đinh Văn T1, bà Nguyễn Thị H3, anh Đinh Văn Trọng N, chị Đinh Thị Ngọc H4 phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho các nguyên đơn ông Phan Văn H, bà Nguyễn Thị H1, anh Phan Hoài H2, ông Phạm Văn V, bà Đinh Thị D, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị B1, ông Nguyễn Văn B2, bà Trần Thị B2, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị T tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007525, ngày 25 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

4. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Ông Phan Văn H, bà Nguyễn Thị H1, ông Phạm Văn V, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị B1 được miễn án phí.

- Ông Nguyễn Văn Đ không phải chịu. Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007691 ngày 17/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Bà Đinh Thị D không phải chịu. Hoàn trả cho bà Đinh Thị D số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007692 ngày 17/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Anh Phan Hoài H2 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007693 ngày 17/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Bà Nguyễn Thị T không phải. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007694 ngày 17/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc Hương